

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2021/DS-ST**

Ngày: 26/3/2021.

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Đoàn Hạnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân;

2. Bà Pang Ting Suyl.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Thắng – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 406/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 470, đường Hùng Vương, thị trấn ĐV, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh **Lê Xuân Đ**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn TH, xã TV, huyện Lâm Hà, Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thu H** trình bày: Chị **Nguyễn Thị Thu H** xây dựng gia đình với anh **Lê Xuân Đ** vào

năm 2008, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Văn, huyện Lâm Hà vào ngày 14/11/2008.

Quá trình chung sống anh chị chỉ hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung, anh chị thường xuyên cãi vã, xúc phạm danh dự và làm tổn thương nhau. Vì các con nên chị H cố gắng chịu đựng để chung sống và hy vọng anh Đ sửa đổi nhưng hai bên cũng không thể hòa hợp nên anh chị đã sống ly thân hai năm nay. Trong thời gian ly thân, cả hai đều cố gắng nhưng quan hệ vợ chồng vẫn không cải thiện. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Xuân Mạnh, sinh ngày 06/9/2008 và Lê Xuân Dũng, sinh ngày 17/7/2013. Khi ly hôn chị H đề nghị xem xét theo nguyện vọng của các con chung, nếu các con ở với chị H thì chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, nếu các con ở với anh Đ thì chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Lê Xuân Đ trình bày: Anh Lê Xuân Đ và chị Nguyễn Thị Thu H xây dựng gia đình với nhau năm 2008, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Văn, huyện Lâm Hà vào ngày 14/11/2008.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị chỉ hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm, mỗi lần cãi nhau chị H thường hay bỏ nhà đi, nay anh xác định không còn tình cảm với chị H nên chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Xuân Mạnh, sinh ngày 06/9/2008 và Lê Xuân Dũng, sinh ngày 17/7/2013. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung không có nên anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Hậu.

Về con chung: Giao cả hai con chung là Lê Xuân Mạnh, sinh ngày 06/9/2008 và Lê Xuân Dũng, sinh ngày 17/7/2013 cho anh Lê Xuân Đ có trách nhiệm, trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Xuân Đ xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Văn, huyện Lâm Hà vào ngày 14/11/2008 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị chỉ hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường hay cãi nhau và đã sống ly thân 02 năm nay. Tại phiên tòa chị H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, anh Đ thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị Hậu.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ phát sinh đã lâu ngày nhưng hai bên lại không tìm được biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng, nguyên nhân chính là hai bên không thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống và anh chị đã tự sống ly thân hai năm nay, trong thời gian này mối quan hệ của anh chị cũng không được cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly

hôn của chị Hậu, xử cho chị H và anh Đ được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Xuân Đ có 02 con chung là Lê Xuân Mạnh, sinh ngày 06/9/2008 và Lê Xuân Dũng, sinh ngày 17/7/2013. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con là Lê Xuân Mạnh và giao con là Lê Xuân Dũng cho anh Đ nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Nhưng anh Đ không đồng ý mà anh Đ yêu cầu được nuôi cả hai con chung và anh Đ không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, các bên đương sự xác định từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến nay thì cả hai con đều do anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và việc nuôi con của anh Đ đảm bảo. Tuy nhiên, theo chị H thì do anh Đ không cho chị mang con đi nên chị H không thể trực tiếp nuôi con và khi chị H đi thăm con thì anh Đ gây khó khăn, cản trở, không tạo điều kiện cho chị thăm nom con chung theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án anh Đ xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con của anh Đ như anh Đ có nhà ở và tài sản để đảm bảo việc nuôi con. Chị H hiện nay đang thuê nhà ở nhưng chị H cũng xuất trình chứng cứ là hợp đồng lao động và bảng lương thể hiện chị H có thu nhập ổn định từ 8.000.000đồng/01 tháng đến 14.000.000đồng/01 tháng. Việc chị H và anh Đ đều yêu cầu được nuôi con là nguyện vọng chính đáng, thể hiện trách nhiệm làm cha, làm mẹ của anh chị đối với các con. Hiện nay điều kiện kinh tế của anh Đ có phần khá hơn chị H nhưng chị H cũng không phải thuộc trường hợp không đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, việc xem xét giao các con cho ai nuôi phải xem xét để đảm bảo tốt nhất quyền lợi về mọi mặt của các con cũng như ổn định về tâm lý của các con khi bố mẹ không còn chung sống với nhau.

Xét thấy, trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh Đ là người trực tiếp nuôi cháu Mạnh và cháu Dũng, nhưng nay cháu Mạnh lại trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ và cháu Dũng trình bày nguyện vọng được sống với bố khi bố mẹ ly hôn.

Đối với cháu Mạnh hiện nay đã 13 tuổi lại là con trai, đây là độ tuổi bắt đầu có sự thay đổi về tâm sinh lý như trẻ quan tâm đến hình thức cơ thể, trẻ thể hiện tính tự chủ trong suy nghĩ, nhận thức, hành động, trẻ muốn được tham gia ý kiến và đưa ra các quyết định trong các vấn đề của mình... Với sự thay đổi về mặt tâm sinh lý ở độ tuổi này thì ngoài trách nhiệm chăm sóc, bảo ban... thì bố

mẹ cần là một người bạn của con, nắm bắt thay đổi về tâm lý của con từ đó để chia sẻ, đồng cảm và hướng những suy nghĩ của con sao cho tích cực nhất. Vì vậy, sự gần gũi, quan tâm của người mẹ sẽ phù hợp hơn để đảm bảo tốt nhất cho con.

Mặc dù hiện nay chị H chưa có nhà cửa ổn định phải thuê nhà ở nhưng chị H có công việc thường xuyên và thu nhập ổn định, với mức sống trung bình tại địa phương hiện nay thì sau khi đã trừ đi các chi phí thông thường cần thiết cho cuộc sống của chị Hậu, với mức lương hiện tại chị H đảm bảo được việc nuôi con. Hơn nữa anh Đ là đàn ông, làm công việc đồng áng, hai con chung của anh chị hiện nay đang trong độ tuổi cần sự đưa đón, chăm sóc, gần gũi của bố mẹ nên việc giao cả hai con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng có phần khó khăn cho anh Đ.

Vì vậy, như đã nhận định phân tích nêu trên, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng và quyền lợi tốt nhất cho các con anh chị, cũng như tôn trọng ý kiến của con, đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao con là Lê Xuân Mạnh sinh ngày 06/9/2008 cho chị H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con và giao con là Lê Xuân Dũng, sinh ngày 17/7/2013 cho anh Đ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là phù hợp.

Nếu sau này các bên nuôi con không đảm bảo thì có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Xuân Đ không yêu cầu cấp dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Xuân Đ xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Xuân Đ xác định trong quá trình chung sống anh chị có vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Lâm Hà số tiền 70.000.000đồng, khi vay anh chị thế chấp diện tích đất chung của vợ chồng. Số nợ này anh Đ nhận trách nhiệm trả và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh chị không khai anh chị có nợ chung. Tại phiên tòa, anh

Đ, chị H cũng không xuất trình được hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp để chứng minh cho lời khai của mình là đúng. Tuy nhiên, đại diện Viện Kiểm sát yêu cầu tạm dừng phiên tòa để xác minh vấn đề nợ chung để xử lý theo quy định. Hội đồng xét xử đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Lâm Hà thì được biết anh Đ đã trả nợ dứt điểm nợ chung từ ngày 08/02/2021, hiện nay anh Đ không còn nợ Ngân hàng khoản tiền nào nên Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết vấn đề nợ chung trong vụ án này.

[6] *Về án phí*: Buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Hậu, xử cho chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Xuân Đ được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao con chung là Lê Xuân Mạnh, sinh ngày 06/9/2008 cho chị Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con.

Giao con Lê Xuân Dũng, sinh ngày 17/7/2013 cho anh Lê Xuân Đ có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0014906 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/3/2021) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đoàn Hạnh Trang